TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2023/QĐST-HNGĐ	H, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 928/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị Minh P, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 26 kiệt 39 Nguyễn Hữu Dật, phường L, thành phố H, tỉnh H.

- **Bị đơn**: Anh Trần Xuân T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 26 kiệt 39 Nguyễn Hữu Dật, phường L, thành phố H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Minh P và anh Trần Xuân T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

a.Về con chung: Chị Lê Thị Minh P và anh Trần Xuân T cùng công nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Quang Phước H, sinh ngày 01/01/2005; Trần Lê Minh C, sinh ngày 01/01/2007 và Trần Lê Minh T, sinh ngày 02/8/2015.

Nay ly hôn hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau:

Giao 02 cháu Trần Lê Minh C, sinh ngày 01/01/2007 và Trần Lê Minh T, sinh ngày 02/8/2015 cho chị Lê Thị Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành(đủ 18 tuổi). Anh Trần Xuân T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 cháu C và cháu T mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu C và cháu T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản.

b. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Minh P và anh Trần Xuân T tự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Chị Lê Thị Minh P và anh Trần Xuân T cùng công nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn là 150.000 đồng, chị Lê Thị Minh P pH chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Trần Xuân T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. nhưng chị chị Lê Thị Minh P tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Trần Xuân T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Lê Thị Minh P và anh Trần Xuân T tự nguyện thỏa thuận chị Lê Thị Minh P chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), căn cứ biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005349 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh H, chị P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
-TANDTỉnh TH;
-UBND phường L, thành phố H đăng ký kết hôn số 60, Quyển số 01/2004;
-Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị H